

PHÙ THŨNG

A. Biện chứng luận trị

Nước dịch trong người đọng lại, tràn lan ra da thịt, dẫn lên đầu mặt, ổ mắt, tứ chi, vùng bụng, thậm chí toàn thân phù thũng, gọi là thủy thũng. Trên lâm sàng chia làm hai loại lớn là âm thủy và dương thủy. Do ngoại cảm phong hàn, thấp nhiệt đưa đến là dương thủy. Người yếu, bị bệnh lâu ngày hoặc dương thủy kéo dài, bị đi bị lại là âm thủy. Do công năng của phế, tỳ, thận đối với "thông điều", "chuyển luân", "chưng hóa" thủy dịch mất bình thường mà hình thành. Phân loại phù thũng toàn thân của y học hiện đại, bao gồm bệnh của tim, thận, gan, suy dinh dưỡng, công năng nội tiết mất bình thường và nguyên nhân công năng dẫn đến thủy thũng bên trong.

B. Điểm chủ yếu để kiểm tra

Hỏi kỹ về tình hình phát sinh và phát triển của phù thũng, tính chất của phù, các chứng trạng kèm theo, kết hợp kiểm tra toàn thân, và xét nghiệm hữu quan để phân biệt những nguyên nhân khác nhau dẫn đến phù thũng. (Bảng 28).

Bảng 28: Chẩn đoán phân biệt trong phù thũng

Chẩn đoán phân biệt nguyên nhân khác nhau của phù thũng	Điểm chủ yếu để phân biệt		
	Tiền sử	Tình trạng phù thũng	Kiểm tra
Phù tim (phù do suy tim)	Chủ yếu có tiền sử bệnh tim, và kèm hoảng hốt, tim đập mạnh, thở gấp.	Xuất hiện trước ở mắt cá chân, dần dần lên đến toàn thân, phù mềm, ấn lõm, phù tím, xuất hiện phù về chiều, chủ yếu ở hai chi dưới.	Tim to, chiều điện, ghi điện tim kiểm tra để giúp cho chẩn đoán.
Phù thận (viêm cầu thận cấp, mạn, thận nhiễm mỡ)	Có tiền sử a mi đan hoặc ghê mủ ngoài da, có thể có tiền sử viêm thân, viêm bể thận.	Phù ở mí mắt trước, rồi mới lan ra các nơi khác, có thể xuất hiện phù toàn thân nghiêm trọng, ấn thì lõm, phù mềm, phù trắng.	Xét nghiệm nước tiểu có biến đổi rõ rệt, huyết áp có thể tăng cao.
Phù gan (phù do xơ gan)	Có tiền sử về gan và đau vùng gan, bụng trướng, kém ăn.	Phù 2 chi dưới, phù mềm, ấn lõm kèm theo cổ trướng (khi lắc nghe có tiếng óc ách).	Có tuần hoàn bàng hệ, xác định chẩn đoán bằng thăm dò chức năng gan, siêu âm và nhất là soi ổ bụng sinh thiết gan.
Phù suy dinh dưỡng	Thường do các bệnh đường ruột mạn tính, nhiễm khuẩn mạn (lao)	Thường xuất hiện ở 2 chi dưới, ấn lõm, phù mềm, phù trắng.	Thể trạng gầy sút, protein niệu (-) chẩn đoán xác định bằng

	hoặc ung thư (nhất là ung thư đường tiêu hóa).		định lượng protein máu giảm, tỷ lệ serin/globulin giảm nhiều.
Phù nội tiết (do suy tuyến giáp, cường năng vỏ thượng thận)	Thường kèm sợ lạnh, yếu sức, ham ngủ, ăn uống giảm, suy tuyến giáp, hoặc béo phì, tim đập mạnh, chức năng tim giảm, cường năng vỏ thượng thận hoặc có tiền sử uống thuốc nội tiết kéo dài.	Phù ấn không lõm vào.	Tuyến giáp teo lại hoặc to ra, chuyển hóa cơ bản giảm, chụp thận và thượng thận không thuốc cản quang có những biểu hiện bệnh lý. Thăm dò chức năng thượng thận: Có rối loạn nội tiết tố vỏ thượng thận hoặc tủy thượng thận.
Phù công năng	Gặp ở nữ giới và thường liên quan đến kinh nguyệt, tiền sử về tim, thận, gan, thường có liên quan đến một tư thế làm việc nhất định. Một mỗi kém ăn.	Phù cục bộ ở mí mắt hoặc chi dưới.	Trừ phù ra không phát hiện thấy triệu chứng gì đặc biệt.

C. Cách chữa

1. Bằng châm cứu

Thể châm: *Thủy phân* (trên rốn 1 thốn) cứu bằng ngải, *Âm lăng tuyền*, *Túc tam lý*.

Gia giảm:

- Nếu đầu mặt phù thũng rõ rệt, kèm theo ho hắng, gia *Liệt khuyết*.
- Tỳ hư là chính, gia *Tỳ du*, *Tam âm giao*. Thận hư là chính, gia *Thận du*, *Phục lưu*.

2. Biện chứng thí trị

Biện chứng phải chia ra âm, dương. Dương thủy thuộc thực, điều trị phải phát hãn, lợi niệu. Âm thủy thường thuộc trong hư có thêm thực, phải ôn dương, ích khí, hành thủy.

a. Dương thủy

Bệnh phát nhanh chóng, thoát đầu phù từ mắt trước, kế đó đến tứ chi và ngực bụng, nửa người trên phù nhiều, da căng bóng, mỏng, ấn vào rắn chắc, chỗ lõm dễ trở lại như trước, ho, hơi thở khô, hoặc có kèm sợ lạnh phát sốt, nước tiểu vàng, đỏ, ngắn, ít, phân khô kết hoặc bí, rêu lưỡi trắng hoặc nhầy, mạch phù, sác hoặc trầm, thực.

Cách chữa: Sơ phong phát biểu, thấm thấp lợi thủy.

Bài thuốc: *Linh quế phù bình thang* hợp với *Ngũ bì ẩm gia giảm*.

<i>Quế chi</i>	1,5 đồng cân,	<i>Phù bình</i>	3 đồng cân,
<i>Phòng phong</i>	1,5 đồng cân,	<i>Phục linh</i>	5 đồng cân,
<i>Trạch tả</i>	3 đồng cân,	<i>Ngũ gia bì</i>	3 đồng cân,
<i>Sinh khương bì</i>	1 đồng cân,	<i>Đại phúc bì</i>	3 đồng cân,
<i>Xa tiền tử</i>	4 đồng cân (bọc vải).		

Gia giảm:

- Có biểu chứng, sợ lạnh, ho, hơi thở thô, bỏ *Phù bình*, gia *Ma hoàng* 1,5 đồng cân, *Quảng hạnh nhân* 3 đồng cân. Nóng bức rút, gia *Thạch cao* 1 lượng.
- Thấp nhiệt ẩn nấu kết lại, rêu lưỡi vàng nhầy, miệng khô đắng, nước tiểu đỏ, rít, bỏ *Quế chi*, *Sinh khương bì*, *Phòng phong*, gia *Thương thuật* 3 đồng cân, *Hoàng bá* 3 đồng cân, *Phòng kỷ* 3 đồng cân, *Liên kiều* 3 đồng cân.
- Bụng trên có nước, ho hen, vùng cổ vướng, gia *Thương lục căn* 3 đồng cân, *Hắc sủu* 3 đồng cân, *Đình lịch tử* 3 đồng cân.

b. Âm thủy

Bệnh trạng phát từ từ, hoặc phù kéo dài, tái phát nhiều lần không khỏi, thường bắt đầu từ chi dưới, tiếp theo là lên ngực bụng, tứ chi, mặt, nửa người dưới phù nhiều hơn, màu da vàng nổi, mờ tối mà trệ, ấn vào mềm nhẽo, lõm sâu, khó trở lại như cũ, nước tiểu ít, trong, phân lỏng, rêu lưỡi trắng nhợt, ẩm, trơn, lưỡi béo, mạch chìm, nhỏ, chậm.

Cách chữa: Kiệt tỳ ôn thận, thông dương hành thủy.

Bài thuốc: *Phụ tử lý linh thang* hợp với *Kim quĩ thận khí hoàn gia giảm*.

<i>Phụ tử</i>	2 đồng cân,	<i>Quế chi</i>	1,5 đồng cân,
<i>Bạch truật</i>	4 đồng cân,	<i>Phục linh</i>	4 đồng cân,
<i>Trư linh</i>	3 đồng cân,	<i>Trạch tả</i>	3 đồng cân.

Gia giảm:

- Tỳ hư rõ rệt, bụng trướng, ỉa lỏng, gia *Đảng sâm* 4 đồng cân, *Can khương* 4 đồng cân, *Son được* 4 đồng cân.
- Thận hư rõ rệt, lưng buốt sợ lạnh, sắc mặt trắng bột, gia *Thục địa* 4 đồng cân, *Lộc giác phiến* 3 đồng cân, *Tiên linh tỳ* 5 đồng cân.
- Nếu phù thũng đã cơ bản tiêu hết, có thể bỏ *Quế chi*, *Trư linh*, *Trạch tả*.

3. Bài thuốc một vài vị lẻ

- *Xa tiền tử*, *Bạch mao căn*, *Ngọc mễ tu*, *Đông qua bì*, *Hồ lô biểu*, *Mã tiền thảo*, lựa chọn lấy 1 đến 2 loại. Mỗi lần 1 lượng đến 1,5 lượng, sắc nước uống, **dùng vào phù thũng dương chứng**.

- *Lâu cô tán bột 2 phân, Lâu suất tán bột 3 phân, Lượng đó uống 1 lần. (Lâu cô: đế chũ, Lâu suất: đế mèn).* Ngày một, hai lần, **dùng vào chứng phù thũng nghiêm trọng.**
- *Dĩ nhân 5 đồng cân đến 1 lạng. Đậu nhỏ màu đỏ (Xích tiểu đậu) 1 đến 2 lạng, sắc với nước uống, dùng vào tỳ hư phù thũng.*